

Số: 251/2020/QĐST-HNGĐ

T, ngày 25 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ các Điều 212, 213 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 232/2020/TLST-VHNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2020 về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

- *Người yêu cầu:* Ông Phạm Phương Đ, sinh năm 1991; địa chỉ thường trú: 67/450A đường Phan Huy Ích, Phường 12, Quận G, Thành phố H. Tạm trú: Số nhà 175/27, đường ĐX 14, tổ 6, khu phố Vĩnh An, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- *Người yêu cầu:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1992; địa chỉ thường trú: Khóm 1, xã L, huyện B, tỉnh A. Tạm trú: Số nhà 175/27, đường ĐX 14, tổ 6, khu phố Vĩnh An, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Phạm Phương Đ và bà Trần Thị H chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 12, quận G, Thành phố H và được Ủy ban nhân dân Phường 12, quận G, Thành phố H cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 139, quyển số 01/2015 ngày 28 tháng 7 năm 2015. Trong quá trình chung sống, ông Đ và bà H có 01 con chung tên Phạm Ngọc Đan A, sinh ngày 13-5-2017. Ngày 11-9-2020, ông Đ và bà H có đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Theo Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16-9-2020 của Tòa án nhân dân thị xã T, ông Đ và bà H đã thỏa thuận được các vấn đề theo đơn yêu cầu.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16-9-2020 của Tòa án nhân dân thị xã Tl là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Ông Phạm Phương Đ và bà Trần Thị H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung tên Phạm Ngọc Đan A, sinh ngày 13-5-2017 cho bà Trần Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Phạm Phương Đ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành án xong số tiền phải thi hành án thì còn phải trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí Ông Phạm Phương Đ và bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng lệ phí việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2016/0051656 ngày 16-9-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tl, tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

THẨM PHÁN

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã T;
- CCTHADS thị xã T;
- UBND Phường 12, quận G, Thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

Nguyễn Thanh Sơn